

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG - DUY VẬT BIỆN CHỨNG

Khi chúng ta nói về phương pháp của chủ nghĩa Marx, chúng ta làm việc với những tư tưởng cung cấp nền tảng cho những hoạt động của chúng ta trong phong trào công nhân, những lập luận mà chúng ta đưa ra trong những cuộc thảo luận mà chúng ta tham gia, và những bài báo chúng ta viết.

Thường được chấp nhận là chủ nghĩa Marx được cấu thành từ ba nguồn gốc chính. Một trong những nguồn gốc đó được phát triển từ những phân tích của Marx về nền chính trị nước Pháp, cụ thể là cuộc cách mạng tư sản Pháp vào những năm 1790, và những cuộc đấu tranh giai cấp sau đó trong suốt những năm đầu thế kỷ 19. Một nguồn gốc khác của chủ nghĩa Marx là cái được gọi là kinh tế học Anh, những phân tích của Marx về hệ thống tư bản chủ nghĩa như nó đã phát triển ở nước Anh. Nguồn gốc còn lại của chủ nghĩa Marx, về phương diện lịch sử lần đầu tiên được đề ra, và được gọi là "triết học Đức", và đó là khía cạnh mà tôi muốn nói đến ở đây.

Để bắt đầu, chúng ta cần nói rằng nền tảng của chủ nghĩa Marx là chủ nghĩa duy vật. Tức là, chủ nghĩa Marx bắt đầu từ tư tưởng cho rằng vật chất là bản chất của mọi thực tại, và rằng vật chất tạo ra tư tưởng, chứ không phải ngược lại.

Nói cách khác, tư tưởng và tất cả mọi thứ xuất phát từ tư tưởng - những tư tưởng nghệ thuật, khoa học, luật pháp, chính trị, đạo đức và tiếp nữa... - những thứ đó thực tế xuất phát từ thế giới vật chất. "Trí tuệ" ..., tư tưởng và những quá trình tư tưởng, là sản phẩm của bộ não; và bản thân bộ não, và do đó bản thân tư tưởng, xuất hiện từ một trạng thái nhất định của sự phát triển của vật chất sống. Chúng là sản phẩm của thế giới vật chất.

Do đó, để hiểu được bản chất đích thực của ý thức con người và xã hội, như bản thân Marx đã làm, là vấn đề "không phải là bắt đầu từ cái mà con người nói, tưởng tượng, quan niệm ... để đi đến con người bằng xương bằng thịt; mà là từ thực tại, từ con người hoạt động, và từ những cơ sở của đời sống thực tế của họ giải thích sự phát triển của những phản ánh và những tiếng vang tư tưởng của họ về quá trình đời sống hiện thực này. Những ảo tưởng được tạo thành trong đầu óc của con người cũng vậy, cần được coi là những hình ảnh của những quá trình sống hiện thực của họ, có thể được xác nhận một cách kinh nghiệm chủ nghĩa bằng những tiền đề vật chất và bị giới hạn bởi những tiền đề vật chất này. Đạo đức, tôn giáo, siêu hình học, tất cả những gì còn lại của hệ tư tưởng và những dạng tương ứng của ý thức, do đó không còn giữ cái vẻ độc lập được nữa. Chúng không có lịch sử, không có sự phát triển nào; mà chính là con người, trong quá trình phát triển nền sản xuất vật chất của họ và những mối liên hệ nội tại vật chất giữa họ với nhau, cùng với sự tồn tại thực tế của họ, đã biến đổi suy nghĩ của họ và những sản phẩm của suy nghĩ của họ. Đời sống không phải được quyết định bởi ý thức, mà là ý thức được quyết định bởi đời sống. Trong phương pháp tiếp cận thứ nhất (phi duy vật), điểm bắt đầu là ý thức chế ngự cá nhân sống; phương pháp thứ hai (duy vật), thích hợp với bản thân những cá nhân sống hiện thực, và ý thức chỉ còn được coi là ý thức của họ mà thôi." (Hệ tư tưởng Đức, chương một).

Một nhà duy vật chủ nghĩa do đó sẽ tìm lời giải thích không phải từ những tư tưởng, mà là từ bản thân những hiện tượng vật chất, dưới dạng những nguyên nhân vật chất và không phải là những sự can thiệp phi tự nhiên bởi chúa hay cái gì đại loại như thế. Và đây là một khía cạnh đặc biệt quan trọng của chủ nghĩa Marx, làm tách biệt một cách rõ ràng phương pháp này ra khỏi những

phương pháp tư duy và logic được thiết lập trong xã hội tư bản.

Sự phát triển của tư duy khoa học trong những quốc gia châu Âu vào thế kỷ 17 và 18 đã để lộ ra một số những tính chất mâu thuẫn thực sự, vẫn còn lại trong cách tiếp cận của các lý thuyết gia tư sản ngày nay. Một mặt có một sự phát triển hướng đến phương pháp duy vật. Các nhà khoa học đi tìm kiếm những nguyên nhân. Họ không chỉ chấp nhận những hiện tượng tự nhiên như là những phép màu do chúa sắp đặt, họ đi tìm lời giải thích cho mình. Nhưng cùng lúc những nhà khoa học này chưa nắm được một hiểu biết nhất quán hay duy vật thực tiễn; và thường là, đằng sau những lời giải thích cho những những hiện tượng tự nhiên, họ cũng thấy, ở cuối sợi dây xích, bàn tay của chúa chạm vào.

Cách tiếp cận như thế chấp nhận, hay chí ít là để ngỏ cho khả năng, rằng thế giới vật chất chúng ta sống trong ở điểm tận cùng được tạo nên bởi những lực lượng ở bên ngoài nó, và rằng ý thức hay tư tưởng có trước tiên, theo cái nghĩa là chúng có thể tồn tại độc lập với thế giới thực tại. Cách tiếp cận này, đối lập lại với chủ nghĩa duy vật, chúng ta gọi là "chủ nghĩa duy tâm".

Theo như cách tiếp cận này, sự phát triển của nhân loại và của xã hội - của nghệ thuật, khoa học ... - bị bức chế không phải là bởi những quá trình vật chất mà là bởi sự phát triển của các tư tưởng, bởi sự hoàn hảo hay sự suy đồi của tư tưởng con người. Và không phải là ngẫu nhiên mà cái cách tiếp cận phổ biến này, dù được nói ra hay không, tràn ngập trong những triết thuyết của chủ nghĩa tư bản.

Những nhà triết học và các sử gia tư sản nói chung coi hệ thống hiện thời là tất nhiên. Họ chấp nhận rằng chủ nghĩa tư bản là một dạng hoàn hảo, một hệ thống hoàn bị không thể được thay thế bởi một hệ thống nào mới và cao hơn. Và họ cố gắng trình bày tất cả lịch sử đã qua như là những nỗ lực kém trọng đại hơn nhằm đạt được cái "xã hội hoàn hảo" mà họ tin là chỉ có chủ nghĩa tư bản là đã đạt được hoặc có thể đạt được.

Vì vậy, khi chúng ta nhìn vào những tác phẩm của một số nhà khoa học và nhà tư tưởng tư sản vĩ đại nhất trong quá khứ hay thậm chí cả trong ngày nay, chúng ta có thể thấy họ có khuynh hướng lẫn lộn trong đầu óc mình những tư tưởng duy vật và duy tâm như thế nào. Lấy ví dụ, Isaac Newton, người nghiên cứu những quy luật cơ học và những quy luật chuyển động của các hành tinh và các vật thể hành tinh, đã không tin rằng những quá trình này bị chế ngự bởi đầu óc hay tư tưởng. Nhưng ông lại tin vào một sự thúc đẩy lúc ban đầu cho vật chất, và cái đẩy ban đầu này được cung cấp bởi một dạng lực lượng siêu tự nhiên, bởi Chúa.

Theo cách tương tự ngày nay có nhiều nhà sinh vật học chấp nhận tư tưởng cho rằng các loài cây cối và động vật đã tiến hóa từ loại này sang loại kia, và rằng con người bản thân nó cũng là một sự phát triển từ một giống loài trước đó. Và cũng có nhiều người trong bọn họ bám lấy cái khái niệm cho rằng có một sự khác nhau về chất giữa trí tuệ của con người và đầu óc của động vật, kết luận rằng có một linh hồn bất diệt rời bỏ cơ thể con người sau khi chết. Ngay cả một số những nhà khoa học xuất chúng nhất cũng lẫn lộn phương pháp duy vật và những tư tưởng duy tâm theo kiểu này, về phương diện khoa học mà nói điều này thực sự là lạc hậu, và có liên hệ với ma thuật và mê tín nhiều hơn là với khoa học.

Do đó chủ nghĩa Marx đưa ra một sự đoạn tuyệt một cách hệ thống và căn bản với chủ nghĩa duy

tâm dưới mọi hình thức, và phát triển trong nó một hiểu biết duy vật về những gì đang diễn ra trong thực tế. Chủ nghĩa duy vật là thế giới quan cung cấp một trong những khởi điểm căn bản cho chủ nghĩa Marx. Khởi điểm căn bản còn lại là phép biện chứng.

PHÉP BIỆN CHỨNG

Phép biện chứng đơn giản là logic của sự vận động, hay là logic của tri giác thông thường của những nhà hoạt động phong trào. Chúng ta đều biết rằng mọi thứ đều không đứng yên, chúng luôn thay đổi. Nhưng còn có một dạng logic khác đối lập lại với phép biện chứng mà chúng ta gọi là logic hình thức, là thứ đặc biệt tiêu biểu trong xã hội tư bản. Có lẽ cần thiết phải bắt đầu bằng một bức phác thảo sơ lược những gì hàm chứa trong phép này.

Logic hình thức dựa trên cái được biết là quy luật đồng nhất, nó nói rằng A bằng A.. tức là các vật là cái mà chúng là, và các vật này đứng trong mối quan hệ xác định đối với nhau. Còn có những quy luật phái sinh khác từ quy luật đồng nhất; ví dụ, nếu A bằng A, thì khi đó A không thể bằng B, hay C.

Thoạt nhìn, phương pháp tư duy này dường như cũng là tri giác thông thường; và thực tế nó là một công cụ tư duy vô cùng quan trọng, một phương pháp rất quan trọng trong sự phát triển của khoa học và trong cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo dựng nên xã hội ngày nay. Sự phát triển của toán học và số học cơ bản, chẳng hạn, là dựa trên logic hình thức. Bạn không thể dạy cho một đứa trẻ bản cửu chương mà lại không dùng đến logic hình thức. Một cộng một bằng hai, và không phải là bằng ba. Và tương tự, phương pháp của logic hình thức cũng là cơ sở cho sự phát triển của cơ học, hóa học, sinh vật học...

Ví dụ, trong thế kỷ 18 nhà sinh vật học người Scandinavia Linnaeus đã phát triển một hệ thống phân loại cho tất cả những sinh vật đã biết. Linnaeus chia tất cả những vật sống thành những lớp, bộ, họ, trong bộ khi, họ người, giống người và giới thiệu loài homo sapiens.

Hệ thống phân loại này đem lại một bước tiến khổng lồ trong lĩnh vực sinh học. Lần đầu tiên, nó tạo ra khả năng nghiên cứu một cách thực sự có hệ thống về cây cối và động vật, để so sánh và đối chiếu các giống động vật và cây. Nhưng nó dựa trên logic hình thức. Nó dựa trên phát biểu rằng homo sapiens bằng với homo sapiens; một con giun đất bằng với một con giun đất và cứ thế.. Nói cách khác, nó là một hệ thống cố định và cứng nhắc. Theo như hệ thống này thì không thể có chuyện một loài này bằng với một loài khác nào đó, nếu không thì hệ thống phân loại này sẽ hoàn toàn bị sụp đổ.

Trong lĩnh vực hóa học cũng tương tự, ở đây thuyết nguyên tử của Dalton mang ý nghĩa một bước tiến khổng lồ. Thuyết Dalton dựa trên ý tưởng rằng vật chất được tạo thành từ các nguyên tử, và mỗi một loại nguyên tử hoàn toàn tách biệt và riêng có đối với bản thân nó - tức là hình dáng và cân nặng là của riêng nguyên tử đó và không phải là của nguyên tử nào khác.

Sau Dalton có xuất hiện một hệ thống phân loại ít nhiều cứng nhắc như thế, một lần nữa lại dựa trên logic hình thức cứng nhắc, nói rằng một nguyên tử hydro là một nguyên tử hydro, một nguyên tử carbon là một nguyên tử carbon... Và nếu một nguyên tử nào đó có thể là một nguyên tử khác, thì toàn bộ hệ thống phân loại này, hệ thống phân loại tạo lên nền tảng của hóa học hiện đại, sẽ sụp đổ.

Giờ điều quan trọng là thấy được rằng phương pháp logic hình thức có những giới hạn của nó. Đó là một phương pháp rất tốt cho cuộc sống hàng ngày, nó đem lại cho chúng ta một phép gần đúng hữu ích đối với việc nhận thức các vật. Chẳng hạn, hệ thống phân loại của Linnaeus vẫn còn hữu dụng đối với các nhà sinh học; nhưng từ tác phẩm của Charles Darwin chúng ta có thể nhận thấy những yếu kém của nó.

Darwin đã chỉ ra rằng trong hệ thống của Linnaeus có một số loài cây có tên gọi rất khác nhau, như là những loài khác nhau vậy, nhưng thực sự chúng lại rất giống nhau. Và cũng có những cây với cùng tên gọi, cùng loài, là những biến dị của cùng một loài cây, mà chúng lại rất khác nhau.

Vì vậy ngay từ thời của Charles Darwin đã có thể nhìn vào trong hệ thống phân loại của Linnaeus và nói "ôh, hẳn là phải có sai sót ở đâu đó". Và tất nhiên tác phẩm của Charles Darwin đã cung cấp một cơ sở mang tính hệ thống cho học thuyết tiến hóa, học thuyết lần đầu tiên tuyên bố rằng một loài này có thể chuyển hóa thành một loài khác.

Và điều đó để lại một lỗ hổng lớn trong hệ thống Linnaeus. Trước Charles Darwin, người ta tin rằng số lượng các loài trên hành tinh chính xác bằng số lượng các loài được Chúa tạo ra trong 6 ngày đầu tiên - tất nhiên là ngoại trừ những loài đã bị lụt lội hủy diệt - và rằng những loài còn sống sót đã không hề thay đổi gì trong suốt hàng triệu năm. Nhưng Darwin đã đưa ra tư tưởng về sự biến đổi của các loài, và chắc chắn là phương pháp phân loại cũng phải thay đổi theo.

Những gì áp dụng vào lĩnh vực sinh học thì cũng áp dụng vào lĩnh vực hóa học. Vào cuối thế kỷ 19, các nhà hóa học nhận ra rằng một nguyên tố nguyên tử này có thể biến đổi thành một nguyên tố nguyên tử khác. Nói cách khác, những nguyên tử không hoàn toàn tách biệt và riêng có đối với bản thân chúng. Giờ chúng ta biết được rằng có nhiều nguyên tử, nhiều nguyên tố hóa học, là không bền vững. Ví dụ, uranium và các nguyên tố phóng xạ khác sẽ phân rã theo thời gian và tạo nên các nguyên tử hoàn toàn khác với các tính chất hóa học và cân nặng cũng hoàn toàn khác.

Do đó chúng ta có thể thấy được rằng phương pháp của logic hình thức đã bắt đầu bị đổ bể cùng với sự phát triển của bản thân khoa học. Chính là phương pháp biện chứng đã thu hút những kết luận từ những phát hiện thực tiễn đó, và chỉ ra rằng không tồn tại những phạm trù tuyệt đối hay cố định, cả ở trong tự nhiên lẫn trong xã hội.

Trong khi mà một người logic hình thức nói rằng A bằng A thì người biện chứng sẽ nói rằng A không nhất thiết phải bằng A.

Vì vậy chúng ta cần có một hình thái nhận thức, một hình thái logic lý giải cái sự kiện thực tế là mọi thứ, cuộc sống và xã hội ở trong một trạng thái chuyển động và thay đổi liên miên. Và hình thái logic đó không nghi ngờ gì là phép biện chứng.

Nhưng mặt khác sẽ là sai lầm nếu cho rằng phép biện chứng gán cho vũ trụ một quá trình thay đổi đều và dần dần. Những quy luật của phép biện chứng, và đây là một lời cảnh báo: những khái niệm đó nghe đáng sợ hơn chúng thực sự là - những quy luật của phép biện chứng mô tả cách thức trong đó những quá trình thay đổi diễn ra trong thực tế.

LƯỢNG BIẾN THÀNH CHẤT

Chúng ta hãy bắt đầu với quy luật chuyển hóa của lượng thành chất. Quy luật này phát biểu rằng quá trình biến đổi - vận động trong vũ trụ - không phải là dần dần, chúng không phải là đều. Những khoảng thay đổi tương đối dần dần và từng chút một xen kẽ với những khoảng thay đổi hết sức đột ngột - sự thay đổi không thể đo bằng lượng được mà phải đo bằng chất.

Sử dụng thêm một ví dụ lấy từ khoa học tự nhiên, chúng ta hãy nghĩ đến nhiệt của nước. Bạn có thể đo được trên thực tế (lượng hóa) dưới dạng độ của nhiệt sự thay đổi diễn ra trong nước khi bạn làm nóng nó lên. Cho là từ 10 độ bách phân (nhiệt độ này tương ứng với nhiệt của nước máy) lên đến khoảng 98 độ bách phân, sự thay đổi vẫn còn là thay đổi về lượng..., nước vẫn là nước, mặc dù nó đã trở nên nóng hơn.

Nhưng khi đến một điểm mà tại đó sự thay đổi trong nước trở thành sự thay đổi về chất, và nước trở thành hơi. Bạn sẽ không còn có thể mô tả sự thay đổi trong nước khi nó được làm nóng từ 98 độ lên đến 102 độ dưới dạng thuần túy về lượng được nữa. Chúng ta phải nói rằng một sự thay đổi về chất (nước thành hơi) là kết quả của một sự tích tụ của sự thay đổi về lượng (tức là thêm vào ngày càng nhiều nhiệt).

Và đó là những gì mà Marx và Engels muốn nói khi họ nhắc đến sự chuyển hóa từ lượng thành chất. Trong sự phát triển của các loài cũng có thể thấy hiện tượng tương tự. Trong mỗi loài đều có sự biến dị rất lớn. Nếu chúng ta nhìn quanh quất trong phòng chúng ta sẽ bắt gặp rất nhiều những sự khác biệt giữa những người trong phòng. Những khác biệt đó có thể được đo về mặt lượng, chẳng hạn, về cân nặng, chiều cao, màu da, độ dài mũi.

Nhưng nếu như những biến đổi tiến hóa tiến tới một điểm nhất định dưới ảnh hưởng của những biến đổi môi trường, khi đó những biến đổi về lượng này có thể tích lũy tạo thành một sự biến đổi về chất. Nói cách khác, bạn sẽ không thể nào còn có thể nói rằng sự biến đổi ở động vật và cây cối chỉ đơn thuần là biến đổi về lượng. Những giống loài sẽ trở nên khác biệt về chất.

Ví dụ, chúng là một loài khác biệt về chất với tinh tinh hay gorilla, và đến lượt chúng lại khác biệt về chất với những loài động vật có vú khác. Và những khác biệt về chất này, những bước nhảy tiến hóa, là kết quả của những biến đổi về lượng ở trong quá khứ.

Ý tưởng của chủ nghĩa Marx là luôn có những thời kỳ biến đổi dần dần xen lẫn với những thời kỳ biến đổi đột ngột. Trong thời kỳ thai nghén, là thời kỳ biến đổi dần dần, và sau đó là một thời kỳ biến đổi đột ngột tại điểm kết. Sự phát triển của xã hội cũng vậy. Các nhà Marxist rất thường hay sử dụng sự tương tự của thời kỳ thai nghén để mô tả sự phát triển của chiến tranh và cách mạng. Những bước tiến về chất này là tiêu biểu trong sự phát triển của xã hội; nhưng chúng là kết quả của một sự tích tụ những mâu thuẫn về lượng trong xã hội.

PHỦ ĐỊNH CỦA PHỦ ĐỊNH

Quy luật thứ hai của phép biện chứng là quy luật "phủ định của phủ định", và một lần nữa, tên gọi của nó lại rối rắm hơn nội dung của nó. "Phủ định" theo nghĩa này chỉ đơn giản là vượt qua một điều gì đó, cái kết của một vật nào đó khi nó chuyển hóa thành một vật khác.

Ví dụ, sự phát triển của xã hội có giai cấp trong lịch sử nguyên thủy của loài người đại biểu cho

sự phủ định xã hội phi giai cấp trước đó. Và trong tương lai, với sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản, chúng ta sẽ thấy xã hội phi giai cấp khác, mang ý nghĩa là sự phủ định tất cả những xã hội có giai cấp trước đây.

Do vậy quy luật phủ định của phủ định phát biểu một cách đơn giản là khi một hệ thống ra đời, nó làm cho hệ thống khác bị biến mất. Nhưng như vậy không có nghĩa là hệ thống thứ hai là cố định hay không thể thay đổi. Bản thân hệ thống thứ hai trở nên mất hiệu lực khi mà xã hội phát triển xa hơn và do bởi quá trình biến đổi của xã hội. Vì xã hội có giai cấp là sự phủ định của xã hội phi giai cấp, nên xã hội cộng sản sẽ là sự phủ định của xã hội có giai cấp - phủ định của phủ định.

Một khái niệm khác của phép biện chứng là quy luật thâm nhập của các mặt đối lập. Quy luật này tuyên bố một cách hoàn toàn đơn giản rằng những quá trình biến đổi diễn ra là do bởi những sự mâu thuẫn - bởi những đối lập giữa các yếu tố khác nhau ẩn chứa trong tất cả các quá trình tự nhiên và xã hội.

Có lẽ ví dụ tốt nhất cho sự thâm nhập của những mặt đối lập trong khoa học tự nhiên là thuyết lượng tử. Thuyết này dựa trên khái niệm cho rằng năng lượng có tính chất đối ngẫu - theo như một số thí nghiệm, với một số mục đích thì năng lượng tồn tại dưới dạng sóng, như năng lượng điện từ. Nhưng cho một số mục đích thì năng lượng lại thể hiện bản thân nó như là các hạt. Nói cách khác, các nhà khoa học hoàn toàn chấp nhận rằng vật chất và năng lượng có thể thực sự tồn tại ở hai trạng thái khác nhau cùng một lúc - một mặt là một loại sóng phi quang tính, mặt khác là một hạt với một gói năng lượng xác định ẩn chứa trong nó.

Do đó nền tảng của thuyết lượng tử trong vật lý học hiện đại là một sự mâu thuẫn. Nhưng ngày nay đã có nhiều mâu thuẫn khác trong khoa học được biết đến. Ví dụ, năng lượng điện từ là một tập hợp chuyển động qua sự tác động của các lực âm và lực dương lên nhau. Hiện tượng từ tính phụ thuộc vào sự tồn tại của cực bắc và cực nam. Những thứ này không thể tồn tại độc lập đối với nhau. Chúng tồn tại và vận hành chính bởi những lực đối lập ẩn chứa trong cùng một hệ thống.

Tương tự, mọi xã hội ngày nay chứa đựng những nhân tố đối lập khác biệt nhau cùng chung trong một hệ thống, làm cho tất cả mọi xã hội, mọi quốc gia không thể nào cứ mãi duy trì được sự ổn định hay bất biến. Phương pháp biện chứng, đối lập lại với logic hình thức, huấn luyện cho chúng ta để chúng ta nhận ra được những mâu thuẫn này, và từ đó chạm được đến đáy của những biến đổi đang diễn ra.

Những nhà Marxist nói một cách không e dè đến những yếu tố đối lập nội tại trong mọi quá trình xã hội. Trái lại, Rõ ràng là nhờ nhận ra và hiểu được những lợi ích đối lập ẩn chứa nội trong cùng một quá trình xã hội mà chúng ta có thể chỉ ra được chiều hướng thay đổi thích hợp, và sau cùng nhận ra mục đích và mục tiêu cần thiết và có thể đạt được trong trường hợp đó phải đấu tranh cho từ quan điểm của giai cấp công nhân.

Đồng thời, chủ nghĩa Marx cũng không gạt bỏ logic hình thức. Nhưng từ quan điểm hiểu được những sự phát triển của xã hội, điều quan trọng cần phải thấy được rằng logic hình thức chỉ đứng hàng thứ hai.

Tất cả chúng ta sử dụng logic hình thức cho những mục đích thường ngày. Nó đem lại cho chúng ta những sự xấp xỉ cần thiết để giao tiếp và điều khiển những hoạt động thường ngày của chúng ta. Chúng ta sẽ không thể bình thường được cuộc sống của chúng ta mà không có sự phục vụ của logic hình thức, mà không sử dụng sự xấp xỉ một bằng với một.

Nhưng, mặt khác chúng ta cũng thấy những mặt hạn chế của logic hình thức - những giới hạn trở nên rõ ràng trong khoa học khi chúng ta nghiên cứu những quá trình sâu và chi tiết hơn, và cũng thế khi chúng ta khám phá các quá trình xã hội và chính trị một cách tỉ mỉ hơn.

Các nhà khoa học rất hiếm khi chấp nhận phép biện chứng. Một số nhà khoa học là những người biện chứng, nhưng phần lớn ngay cả là ngày nay cũng đều lẫn lộn phương pháp duy vật với cái mới bong bóng đủ mọi loại tư tưởng hình thức và duy tâm.

Và nếu đó là trường hợp trong khoa học tự nhiên, thì nó lại càng là trường hợp trong khoa học xã hội. Những nguyên nhân cho điều này khá là rõ ràng. Nếu bạn cố gắng khảo sát xã hội và những quá trình xã hội từ quan điểm khoa học, thì bạn sẽ không thể nào tránh được việc phải đi đến chỗ chống lại những mâu thuẫn của hệ thống tư bản và cần phải chuyển biến xã hội lên xã hội chủ nghĩa.

Nhưng những trường đại học, nơi thường được coi là những trung tâm học tập và nghiên cứu, dưới chủ nghĩa tư bản còn xa mới độc lập được với sự thống trị giai cấp và nhà nước. Đó là lý do tại sao khoa học tự nhiên có thể vẫn còn có một phương pháp khoa học thiên về chủ nghĩa duy vật biện chứng; nhưng khi bước sang khoa học xã hội bạn sẽ bắt gặp trong các trường cao đẳng và đại học những loại duy tâm chủ nghĩa và hình thức chủ nghĩa tột độ nhất.

Điều đó không phải là không có liên quan gì đến lợi ích thụ hưởng của các giáo sư và giảng viên, những người được trả lương cao ngất. Hoàn toàn và không thể tránh được là cái vị trí ưu thế của họ trong xã hội sẽ gây ra một số những phản chiếu, những tác động lên những gì họ được hỗ trợ để dạy. Những quan điểm và đánh giá của cá nhân họ sẽ được chứa đựng trong "kiến thức" mà họ đi tiếp cùng các sinh viên, và cứ thế tiếp tục hạ thấp mức độ của nhà trường xuống.

Cụ thể, những sử gia tư sản nằm trong số những khoa học gia xã hội thiên cận vào bậc nhất. Đã bao nhiêu lần chúng ta bắt gặp cái mẫu tương tượng của các sử gia này nói rằng lịch sử đã kết thúc hôm qua rồi! Ở đây tại nước Anh tất cả bọn họ dường như đều thú nhận nỗi ghê sợ chủ nghĩa đế quốc Anh trong thế kỷ 17, 18 và 19; rằng chủ nghĩa đế quốc Anh đã tham gia buôn bán nô lệ; rằng nó phải chịu trách nhiệm về một số cuộc chinh phục đẫm máu nhất đối với những người dân thuộc địa; rằng nó cũng phải chịu trách nhiệm cho một số công cuộc bóc lột tột độ nhất những người công nhân Anh, cả phụ nữ và trẻ em, trong các hầm mỏ than đá, các nhà máy cotton..

Họ sẽ chấp nhận tất cả những điều tội lỗi đó - cho đến tận ngày hôm qua. Nhưng đến hôm nay, tất nhiên khi này thì chủ nghĩa đế quốc Anh đã đột nhiên trở thành dân chủ và tiến bộ rồi.

Và đó là một quan niệm hoàn toàn một chiều, hoàn toàn phiến diện về lịch sử, đối lập tuyệt đối lại với phương pháp của chủ nghĩa Marx. Quan điểm của Marx và Engels là nhìn những tiến

trình xã hội từ lập trường giống với lập trường họ nhìn tự nhiên - từ lập trường của các quá trình đúng như nó diễn ra.

Trong những cuộc thảo luận và tranh luận thường ngày của chúng ta trong phong trào lao động, chúng ta sẽ thường đụng phải những người hình thức. Thậm chí nhiều người trong cánh tả nhìn sự vật với một con mắt hoàn toàn cứng nhắc và hình thức, không hiểu được những chiều hướng vận động của sự vật.

Cánh hữu trong phong trào lao động, và một số người thuộc phe tả, tin rằng học thuyết Marxist là một giáo điều, rằng "lý thuyết" như một vật nặng 600 pao đè nặng lên lưng của các nhà hoạt động, và bạn càng chóng thoát khỏi cái khối đó, bạn càng năng động và có hiệu quả.

Nhưng đó là một sự lầm lẫn hoàn toàn về bản chất chung của học thuyết Marxist. Thực tế, chủ nghĩa Marx đối lập lại với sự giáo điều. Nó là một phương pháp chính xác để hiểu được những quá trình biến đổi diễn ra chung quanh chúng ta.

Không có gì là cố định và bất biến. Chính những người hình thức mới là những người xem xét xã hội như một chiếc máy ảnh, những người khúm núm trước hoàn cảnh mà họ đôi đầu do bởi họ không thấy được tại sao sự vật thay đổi và thay đổi như thế nào. Chính phương pháp như vậy mới dễ dẫn đến sự chấp thuận một cách giáo điều sự vật như cái nó là hay như cái nó đã là, mà không hiểu được tính không thể tránh được của sự biến đổi.

Do đó học thuyết Marxist là một công cụ hoàn toàn bản chất cho mọi hoạt động trong phong trào lao động. Chúng ta cần hòa hợp một cách có ý thức vào lực lượng đối lập đang làm việc trong cuộc đấu tranh giai cấp, để hướng bản thân mình đến con đường mà những sự biến đang phát triển.

Tất nhiên không phải lúc nào cũng dễ dàng giải phóng mình khỏi những khuôn khổ tư duy đang chiếm ưu thế trong xã hội tư bản và hấp thụ chủ nghĩa Marx. Như Karl Marx nói, không có con đường cái quan nào trong khoa học. Đôi khi, bạn phải vượt qua con đường gian nan để lĩnh hội được những tư tưởng chính trị mới.

Nhưng việc thảo luận và nghiên cứu học thuyết Marxist là phần thiết yếu để phát triển mọi hoạt động. Chỉ duy nhất học thuyết này mới cung cấp được cho các đồng chí chiếc la bàn và tấm bản đồ giữa muôn vàn khó khăn của cuộc đấu tranh. Sẽ rất tuyệt nếu là một nhà hoạt động. Nhưng nếu thiếu đi sự hiểu biết tinh tảo về các quá trình mà bạn tham gia, bạn sẽ không hoạt động hiệu quả gì hơn một nhà thám hiểm không có la bàn và bản đồ.

Và nếu bạn cố gắng thử khám phá mà thiếu đi những sự trợ giúp khoa học, bạn có thể nhiệt tình thoải mái nhưng sớm hay muộn sẽ rơi vào hẻm núi hay đầm lầy và biến mất, như nhiều nhà hoạt động không may mắn đã làm theo năm tháng.